

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-PT
Ngày: 04-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thành T và 02 đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. NGUYỄN THÀNH T (TL)

Sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre. *Nơi cư trú:* ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; *nghề nghiệp:* mua bán; *trình độ học vấn:* 9/12; *dân tộc:* Kinh; *giới tính:* nam; *tôn giáo:* không; *quốc tịch:* Việt Nam; con ông Nguyễn Thành N (chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1970; có vợ là Đồng Thị Thu H, sinh năm 1994 và 01 người con sinh năm 2010; *tiền án:* không; *tiền sự:* không. *Bị cáo tại ngoại.* Có mặt.

2. ĐINH MINH T2 (TE)

Sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre. *Nơi cư trú:* ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; *nghề nghiệp:* mua bán; *trình độ học vấn:* 9/12; *dân tộc:* Kinh; *giới tính:* nam; *tôn giáo:* không; *quốc tịch:* Việt Nam; con ông Đinh Văn H, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1954; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1984 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; *tiền án:* không; *tiền sự:* không. *bị cáo tại ngoại.* Có mặt.

3. LÊ MINH T3 (Đ)

Sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre. *Nơi cư trú:* ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến

Tre; *nghề nghiệp*: làm thuê; *trình độ học vấn*: 3/12; *dân tộc*: Kinh; *giới tính*: nam; *tôn giáo*: không; *quốc tịch*: Việt Nam; con ông Lê Văn P, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ; *tiền án*: không; *tiền sự*: không; *bị cáo tại ngoại*. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Minh T2*: Ông Nguyễn Văn Thành – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Hoàng Việt thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T*: Ông Lê Văn Khải – Luật sư Văn phòng luật sư Lê Văn Khải thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người bị hại*: Lê Minh H (TT), sinh năm 1981 và Lê Ngọc D, sinh năm 1988, cùng cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 20/9/2017, sau khi nhậu chung ở gần trạm thu phí cầu R, Đinh Minh T2, Nguyễn Thành T, Lê Minh T3 cùng đi về ngang nơi để cây cảnh của anh Lê Minh H (Sinh năm 1981, ngụ tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre). T thấy anh Lê Minh H trong nhà đang nhậu cùng anh Nguyễn Trọng H (Sinh năm 1975), anh Trần Văn C (Sinh năm 1980) và nhớ lại trước đó có mâu thuẫn, cự cãi nhau khi nói chuyện với Lê Minh H, T liền kêu T3 vào gọi anh Lê Minh H ra để nói chuyện. Khi ra gặp T, Lê Minh H nói chuyện đàng hoàng, kêu T bỏ qua, thấy vậy T đồng ý bỏ qua định đi về, anh Lê Minh H vào nhà. Lúc này, Đinh Minh T2 nói “đi qua kiểm chuyện đánh người ta mà đi về là thua rồi”, nghe vậy T liền kêu T3 vào gọi Lê Minh H ra để kiểm chuyện đánh. Khi gặp Lê Minh H, T nói “bữa đó anh qua anh M kiểm chuyện gì”, Lê Minh H trả lời “bây giờ mày muốn gì”, hai bên cự cãi qua lại T dùng tay đánh vào mặt Lê Minh H một cái, rồi T và Lê Minh H đánh nhau qua lại bằng tay. Lúc này chị Lê Ngọc D (Sinh năm 1988, là vợ anh Lê Minh H) trong nhà đi ra thấy vậy liền đến nắm đầu T lôi ra, T3 xông vào dùng tay đánh anh Lê Minh H, Đinh Minh T2 cầm nón bảo hiểm đánh chị D, cùng lúc này anh Trọng H và anh C trong nhà anh Lê Minh H đi ra can ngăn. Anh Lê Minh H vùng chạy vào nhà lấy con dao ra trước cửa nhà. Thấy anh Lê Minh H cầm dao thì Đinh Minh T2 cùng với T, T3 chạy ra ngoài lộ, Đinh Minh T2 nói: “mày đợi tao chút xíu tao quay lại” rồi điều khiển xe mô tô biển số xxP1-xxx.xx một mình về nhà gần đó lấy 01 dao tự chế, lúc này anh Lê Minh H cầm dao thủ trong nhà. Biết Đinh Minh T2 về nhà lấy dao nên T, T3 đứng bên ngoài đợi. Khoảng 05 phút sau, Đinh Minh T2 chạy xe cầm dao tự chế quay lại, dùng xe bên ngoài đi vào phòng ngủ nhà Lê Minh H cầm dao chém anh Lê Minh H, anh Lê Minh H cầm sẵn dao đỡ thì Đinh Minh T2 đi ra chém vào tủ đựng đồ. Lúc này T và T3 đi vào nhà, T3 dùng tay giật dao Đinh Minh T2 đang cầm và nói “để em chém nó cho” nhưng giật không được do T giật được, T cầm dao đi vào phòng ngủ

chém Lê Minh H trúng tay trái hai vết, T cầm dao cùng Lê Minh H giằng co con dao qua lại nhau. Lúc này chị D cũng đang ở trong nhà thấy T chém và giằng co với anh Lê Minh H liền lấy con dao trên bếp chém T giải vây cho anh Lê Minh H nhưng T3 dùng tay đỡ bị trúng tay T3, T3 bỏ ra ngoài, T cầm dao tự chế quay lại chém chị D trúng tay trái ba vết, tay phải một vết, chị D chém trả lại trúng chân T, T bỏ chạy, rồi cả ba bỏ về.

Ngày 30/10/2017, anh T2, chị D có đơn yêu cầu khởi tố. Lê Minh T3, Nguyễn Thành T có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tật và không yêu cầu khởi tố.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số xx/xx/TgT ngày 25/5/2018 của Viện pháp y quốc gia - Phân Viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận lại anh Lê Minh H: sây sát da vùng đỉnh đầu hiện không còn dấu vết; 01 sẹo kích thước lớn cẳng tay trái; 01 sẹo kích thước nhỏ bàn tay phải; nứt xương thành xoang trán trái; căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần: Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Minh H là: sẹo lớn cẳng tay trái 08%, sẹo nhỏ bàn tay phải 01%; Nứt xương thành xoang trán trái không đủ cơ sở để xác định có phải tổn thương xảy ra vào ngày 20/9/2017.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 63/18/TgT ngày 25/5/2018 của Viện pháp y quốc gia - Phân Viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận lại chị Lê Ngọc D: sưng bầm vùng trán hiện không còn dấu vết; sẹo nhỏ cẳng tay phải; sẹo lớn cẳng tay trái; sẹo nhỏ cẳng tay trái; sẹo nhỏ bàn tay trái; căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần: Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Ngọc D là: sẹo nhỏ cẳng tay phải 01%; sẹo lớn cẳng tay trái 08%; sẹo nhỏ cẳng tay trái 01%; sẹo nhỏ bàn tay trái 01%.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T (TL), Đinh Minh T2 (TE), Lê Minh T3 (Đ) phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T (TL) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Minh T2 (TE) 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày

bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T3 (Đ) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018, bị cáo Nguyễn Thành T kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo vì cho rằng bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ. Ngày 03/12/2018, bị cáo Lê Minh T3 và bị cáo Đinh Minh T2 kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo. Đến ngày 30/01/2019 bị cáo T2 nộp đơn kêu oan cho rằng không có tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành T thừa nhận gây thương tích cho bị hại H và bị hại D, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo; bị cáo yêu cầu được hưởng án treo vì cho rằng có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường thiệt hại một số tiền; hiện có việc làm và có nơi ở ổn định; có ông ngoại là liệt sĩ; bản thân là trụ cột trong gia đình, còn mẹ già không ai chăm sóc; có con còn nhỏ (02 tuổi), vợ đã ly hôn, con vợ nuôi bị cáo phải cấp dưỡng và có nợ thêm 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án huyện C để bồi thường thêm cho bị hại. Bị cáo Đinh Minh T2 cho rằng bị cáo không có bàn bạc việc tìm kiếm Lê Minh H để đánh, không gây thương tích cho H và D, tự ý lấy hung khí không có sự đồng ý của T và T3, cầm dao bỏ đi ra ngoài là không còn ý định gây thương tích cho T2; việc T giật dao chém H và D là ngoài ý muốn của của bị cáo và không đồng tình cho T gây thương tích cho H và D. Bị cáo T2 thừa nhận lời khai trong quá trình điều tra là khai trung thực, không bị ép cung, mớm cung. Bị cáo Lê Minh T3 thừa nhận có tham gia cùng T và Đinh Minh T2 đánh Lê Minh H và chị D, biết Đinh Minh T2 về nhà lấy dao nên ở lại đợi và có ý muốn giành lấy dao để chém Lê Minh H và D; khi T giật được dao từ tay Đinh Minh T2 và vào chém vợ chồng anh H thì bị cáo cùng tham gia bằng cách dùng ly, chén chọi vợ chồng anh H;

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố các bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Việc bị cáo Đinh Minh T2 cho rằng không phạm tội là không có căn cứ. Về hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét cho các bị cáo là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố

tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Minh T2, Lê Minh T3 phạm “Tội cố ý gây thương tích”:

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T (TL) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đinh Minh T2 (TE) 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Minh T3 (Đ) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành T cho rằng trong vụ án người bị hại có lỗi; về việc giám định lại là do Điều tra viên giải thích không rõ ràng nên các bị cáo yêu cầu giám định lại, cần xem xét hành vi của bị cáo là do bị hại mang dao ra nên bị cáo T2 về nhà lấy dao là để tự vệ, vợ bị hại tự vệ chém T mà T3 đỡ nên bị thương tích, bị cáo T gây án có một phần lỗi của hai bị hại, gây án nơi buồng ngủ hay không phải là buồng ngủ để xem xét có tính côn đồ hay không. Đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ bị hại có lỗi hay không và bị cáo có côn đồ hay không. Nếu có căn cứ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Minh T2 cho rằng bị cáo T2 không giúp sức về mặt tinh thần, bị cáo cầm dao vào chém bị hại 01 cái rồi dừng lại là không thực hiện tội phạm đến cùng, T2 không giao dao cho T việc T giật lấy dao là ngoài ý muốn của bị cáo T2. Hành vi của bị cáo T2 thì có nhưng chưa hoàn thành. Đề nghị xem xét bị cáo là lao động chính trong gia đình, có ba con còn nhỏ, còn nuôi mẹ già, có nhân thân tốt. Đề nghị không cần cách ly bị cáo T2 khỏi xã hội, căn cứ vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo T2 được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo T yêu cầu được hưởng án treo; bị cáo T2 xin lỗi bị hại và yêu cầu xem xét cho bị cáo cơ hội được ở nhà chăm sóc mẹ già và các con nhỏ; bị cáo T3 xin lỗi bị hại và yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng nên các hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đinh Minh T2 cho rằng không đồng phạm. Nhưng bị cáo thừa nhận lời khai trong quá trình điều tra là trung thực và trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận hành vi phạm tội thể hiện các bản ghi lời khai như sau: Tại bản tự khai BL 238-239 (02/8/2018): ... Khi Đ vô kêu 01 lần nữa H ra thì thấy T, Đ, H đánh nhau và vợ H đang nắm đầu Đ tời vào can thì vợ H quánh vào vai tôi, tôi dùng tay và nón bảo hiểm đánh vợ H, thì thấy H lao vào nhà cầm dao ra tôi, Đ, T chạy ra ngoài, tôi nói “đánh lộn dùng dao mày đợi tao” tôi chạy xe về nhà khoảng 03 phút quay lại thì H vào trong nhà, tôi vào thì Đ và T vào, tôi nói “*mày muốn chém ra đây chém*”, tôi kêu H không ra, tôi vào thấy H đứng cầm dao trên giường tôi đưa dao lên chém H đỡ, tôi bỏ ra trước nhà chém tử, tôi đang đứng thì Đ nói “*để em chém nó cho*” tôi không cho sau đó T giật (dao) chạy vào chém H và vợ H, Đ dùng ly, cây phóng vào; Còn các lời khai: tại BL 243: Sự việc xảy ra do mâu thuẫn giữa H và T trước đó còn tôi và Đ chỉ đi theo giúp cho T; Trước khi chém nhau thì T và H đánh nhau, còn tôi và Đ đánh vợ của H; tại BL 271-274 (02/8/2018): tại vì tôi thấy H cầm dao nên tôi chạy về nhà cầm dao quay lại để tấn công (chém) lại H; tôi đồng ý với hành vi mà T dùng dao chém vợ chồng H; BL 225: thấy H cầm dao nên 03 chúng tôi chạy ra ngoài và tôi nói “*mày đợi tao chút xíu tao quay lại*” tôi lấy xe chạy về lấy dao tự chế (mã tấu) rồi chạy lại vừa cây của H nhưng H và vợ H vào trong nhà nên tôi cầm dao tự chế chạy vào trong nhà thì thấy H đứng trên giường vợ H đứng dưới đất gần cái giường, tôi mới nói với H “*mày cầm dao mà ra đây, bữa nay tao không cho mày ở đây luôn*”; tại BL 246: ba chúng tôi không có nói hay bàn bạc gì hết, T chỉ kêu T3 vào kêu H ra nói chuyện; BL 247: (câu “*mày đợi tao chút tao quay lại*”) ý nghĩa câu đó là tôi quay lại để đánh nhau, chém nhau với H; tại BL 248: khi T3 giật (dao) thì tôi không cho, T giật thì tôi không có cản lại, giật được T đi vào hướng H tôi cũng không có nói la gì; Tôi không có bàn bạc gì chỉ ngẫu nhiên và giữa tôi với vợ chồng H không có mâu thuẫn gì. Còn theo lời khai của Lê Thành T khi Lê Minh H ra lần đầu nói chuyện xong anh H vào nhà thì Đinh Minh T2 nói “*Đi qua kiểm chuyện đánh người ta mà đi về là thua rồi*”, nhưng bị cáo T2 không thừa nhận là có nói câu này.

Với các lời khai nêu trên, cho thấy tuy các bị cáo không bàn bạc cách thức thực hiện hành vi nhưng các bị cáo cùng tham gia đánh nhau với Lê Minh H và Lê Ngọc D từ đầu. Đinh Minh T2 có ý thức muốn gây thương tích đối với vợ chồng H, D nên về nhà lấy dao quay lại và có lời nói thách thức, đe dọa và bị cáo có thực hiện hành vi tấn công Lê Minh H nhưng được Lê Minh H đỡ nên không gây ra thương tích, khi T giật lấy dao từ tay bị cáo T2, bị cáo T2 không ngăn cản và có sự đồng ý đối với hành vi của T cầm dao vào nhà để chém vợ chồng H, D. Đối với Lê Minh T3 cũng có ý thức đánh nhau với vợ chồng H – D và tham gia từ đầu, khi Đinh Minh T2 về lấy dao bị cáo ở lại chờ và có ý thức muốn gây thương tích cho H – D nên giật dao nhưng không được, khi T giật được dao bị cáo thấy và khi T vào nhà H – D bị cáo lại tham gia bằng cách dùng ly, chén ném vào T2 – D hành vi của bị cáo thể hiện sự đồng tình cùng tham gia đánh nhau. Đối với T giật được dao vào nhà chém H – D gây thương tích cho Lê Minh H làm tổn thương cơ thể là 09%, Lê Ngọc D bị tổn thương cơ thể 11%. Với các tình tiết nêu trên có cơ sở chứng minh các bị cáo có cùng ý thức và cùng hành vi tấn công Lê Minh H và Lê Ngọc D thể hiện là đồng phạm với nhau nhưng ở mức độ đồng phạm giản đơn, nên cùng phải chịu trách nhiệm về hậu quả do hành vi mà Nguyễn Thành T đã gây ra. Hành vi của các bị cáo thực hiện phù hợp nội dung mà bản án sơ thẩm đã tuyên và tuyên bố các bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” là có cơ sở. Xét mối quan hệ thì giữa bị cáo Đinh Minh T2 và Lê Minh T3 không mâu thuẫn gì với Lê Minh H và Lê Ngọc D nhưng cùng thực hiện hành vi bằng cách sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích. Đối với bị cáo T lần đầu kêu Lê Minh H ra nói chuyện không xảy ra đánh nhau, khi Lê Minh H ra lần hai thì bị cáo T là người đánh anh H trước, khi có dao, bị cáo vào nhà anh H, bị cáo là người tấn công bị hại H trước và chém bị hại D, với hậu quả mà bị cáo đã gây ra nên cùng phạm vào khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1 là dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ) của Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Với các tình tiết nêu trên nên kháng cáo của bị cáo Đinh Minh T2 cho rằng không đồng phạm, bị cáo T cho rằng không có tính côn đồ, người bào chữa cho bị cáo T đề nghị là không có cơ sở chấp nhận.

Tình tiết người bào chữa cho bị cáo T đưa ra là do điều tra viên giải thích không rõ ràng nên các bị cáo yêu cầu giám định lại, tuy nhiên sau khi có kết luận giám định thì tại các biên bản ghi lời khai của các bị cáo đều đồng ý và không có ý kiến và không thể hiện khiếu nại gì (tại BL 334 đ/v bị cáo T; BL 399 đ/v bị cáo T3

và BL 261 đ/v bị cáo T2). Về địa điểm các bị cáo gây án là nơi cư ngụ và làm ăn của bị hại.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T có con còn nhỏ và có ông ngoại là liệt sĩ; bị cáo T2 có bác là liệt sĩ và xem xét vai trò đối với các bị cáo, bị cáo T giữ vai trò chính, bị cáo T2 giúp sức về cung cấp hung khí, bị cáo T3 cùng tham gia đánh. Tại cấp phúc thẩm bị cáo T có nộp thêm tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C (5.000.000 đồng) để bồi thường thêm cho bị hại, các tình tiết khác bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T3 cho rằng còn mẹ già, là trụ cột chính trong gia đình. Bị cáo T2 cho rằng còn cha mẹ lớn tuổi, là trụ cột trong gia đình, có 03 con còn nhỏ (có xác nhận của chính quyền địa phương). Xét các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ (theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015), bị cáo T3 với vai trò giúp sức, nên cần giảm thêm một phần hình phạt tù cho các bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục các bị cáo. Do các bị cáo phạm vào tình tiết định khung có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện hưởng án treo, nên không chấp nhận yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo.

[4] Về án phí các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt tù cho các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Minh T2, Lê Minh T3 phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** (TL) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Đinh Minh T2** (TE) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.3. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 3 Điều 7; các Điều 17, 38, 54, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Lê Minh T3** (Đ) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Minh T2 và Lê Minh T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (9b);
- Công an và VKSND huyện C (2b);
- Các bị cáo tại ngoại (03b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T và xã A, huyện C (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh